

Số: 12 /KH-LQĐ

Bình Sơn, ngày 05 tháng 9 năm 2023

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN, GIAI ĐOẠN 2023- 2025
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

I. CĂN CỨ

- Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về "Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

- Chỉ thị số 40/2004/CT-TW, ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư về việc "Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục";

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về "Ban hành quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông nhiều cấp học";

- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 về "Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông";

- Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 19/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 – 2025";

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về " Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở có nhiều cấp học";

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020- 2025 của Đảng bộ Trường THPT Lê Quý Đôn.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình chung

- Trường THPT Lê Quý Đôn được thành lập ngày 13/9/1993 theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, mang tên Trường THPT Bán công Bình Sơn. Đến ngày 01/8/2011, theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trường được chuyển sang hệ công lập và mang tên Trường THPT Lê Quý Đôn. Ở năm học đầu tiên 1993 - 1994, trường chỉ có 08 cán bộ, giáo viên và nhân viên, với 120 học sinh. Năm học 2023- 2024, trường có 86 cán bộ, giáo viên và nhân viên với 1.292 học sinh (thống kê ở đầu năm học).

- Với sự nỗ lực, phấn đấu trong dạy và học cùng sự phát triển toàn diện, nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua năm học 2017- 2018

và UBND tỉnh Quảng Ngãi công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia giai đoạn 2021- 2026.

- Để tiếp tục đẩy nhanh quá trình phát triển sự nghiệp giáo dục của Nhà trường, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bình Sơn về chiến lược phát triển KT-XH. Đồng thời căn cứ vào những mục tiêu và giải pháp chủ yếu của ngành giáo dục đào tạo Quảng Ngãi, từ đó Nhà trường xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

2. Môi trường bên trong

2.1. Quy mô trường, lớp học

Khối	Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023	
	Số lớp	T/số HS	Số lớp	T/số HS	Số lớp	T/số HS
10	11	438	11	434	10	414
11	10	402	11	436	11	429
12	10	421	10	386	11	429
Cộng	31	1234	32	1256	32	1272

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Năm học	Tổng số	Cán bộ quản lý		Giáo viên	Nhân viên		Tỉ lệ GV/lớp
		HT	PHT		Biên chế	Hợp đồng	
2020-2021	86	1	3	73	4	5	2.35
2021-2022	85	1	3	72	4	5	2.25
2022-2023	86	1	3	73	4	5	2.28

*** Chất lượng đội ngũ năm học 2023- 2024:**

- Tổng số CB-GV-NV: 86, trong đó:
- + CBQL: 03 (01 HT, 02 PHT)
- + Giáo viên: 74
- + Nhân viên: 09 (Biên chế: 04; Hợp đồng: 05)
- Đảng viên: 42
- Trình độ chuyên môn: 13 thạc sĩ; 66 đại học; 05 cao đẳng; 02 trung cấp
- Trình độ chính trị: 01 Cao cấp và 07 Trung cấp
- GV đạt chuẩn và trên chuẩn: 100% (trên chuẩn: 13, tỉ lệ 16,8%).

2.3. Chất lượng giáo dục toàn diện

+ Năm học 2019- 2020:

* Về học lực: Giỏi có 68 học sinh (5,7%); Khá có 432 học sinh (36,1%); Trung bình có 556 học sinh (46,4%); Yếu có 143 học sinh (11,8%); Kém không có; Trung bình trở lên có 1056 học sinh (88,1%). Có 03 học sinh khối 12 đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh (môn Lịch sử có 01 giải III, 01 giải KK; môn Sinh học có 01 giải KK); 02 học sinh lớp 11 đạt giải III trong cuộc thi KHKT cấp tỉnh năm 2019.

* Về hạnh kiểm: Tốt có 927 học sinh (77,3%); Khá có 242 học sinh (20,2%); Trung bình có 27 học sinh (2,25%); Yếu có 3 học sinh (0,25%); Trung bình trở lên có 1196 học sinh (99,7%).

+ Năm học 2020- 2021:

* Về học lực: Giỏi có 120 học sinh (9,7%); Khá có 502 học sinh (40,7%); Trung bình có 496 học sinh (40,2%); Yếu có 114 học sinh (9,2%); Kém có 02 (0,2%); Trung bình trở lên có 1118 học sinh (90,6%). Có 05 học sinh khối 12 đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh (môn Ngữ văn có 01 giải III, môn Lịch sử có 01 giải III, 01 giải KK; môn Địa lý có 01 giải III, 01 giải KK); 01 học sinh lớp 11 đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh (giải KK môn Lịch sử).

* Về hạnh kiểm: Tốt có 992 học sinh (80,4%); Khá có 208 học sinh (16,8%); Trung bình có 34 học sinh (2,8%); Yếu không có; Trung bình trở lên có 1234 học sinh (100%).

+ Năm học 2021- 2022:

* Về học lực: Giỏi có 136 học sinh (10,76%); Khá có 563 học sinh (44,94%); Trung bình có 490 học sinh (36,96%); Yếu có 65 học sinh (5,18%); Kém có 01 học sinh (0,08%); Trung bình trở lên có 1189 học sinh (94,66%). Có 136 học sinh đạt danh hiệu Học sinh giỏi và 563 học sinh đạt danh hiệu Học sinh tiên tiến; có 05 học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh (02 môn Ngữ văn và Lịch sử); có 08 học sinh đạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong Hội thao cấp huyện.

* Về hạnh kiểm: Tốt có 932 học sinh (74,18%); Khá có 276 học sinh (21,94%); Trung bình có 46 học sinh (2,75%); Yếu có 01 học sinh (0,08%); Trung bình trở lên có 1252 học sinh (99,76%).

+ Năm học 2022- 2023:

* Về học lực: (Khối 11, 12) Giỏi có 85 học sinh đạt 9,88%; Khá có 333 học sinh đạt 39,7%; Trung bình có 338 học sinh đạt 39,3%; Yếu có 100 học sinh đạt 11,6%; Kém có 04 đạt 0,47%; Trung bình trở lên có 756 học sinh đạt 87,9%; (Khối 10) Tốt có 13 học sinh đạt 3,09%; Khá có 110 học sinh đạt 26,13%; Đạt có 221 học sinh đạt 52,49%; Chưa Đạt có 77 học sinh đạt 18,29%; Đạt trở lên có 344 học sinh đạt 81,7%. Có 05 học sinh đạt Học sinh giỏi cấp

ting; trong đó môn Lịch sử có 02 em (01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích); môn Địa lý có 03 em (01 giải Nhì, 02 giải Khuyến khích). Có 01 học sinh đạt giải Khuyến khích trong Hội thi ATGT- Nụ cười ngày mai.

* Về hạnh kiểm: (Khối 11, 12) Tốt có 699 học sinh đạt 81,2%; Khá có 141 học sinh đạt 16,4%; Trung bình có 21 học sinh đạt 2,4%; Yếu không có; Trung bình trở lên có 860 học sinh đạt 100%; (Khối 10) Tốt có 295 học sinh đạt 70,07%; Khá có 107 học sinh đạt 25,42%; Đạt có 16 học sinh đạt 3,8%; Chưa Đạt có 02 học sinh đạt 0,48%; Đạt trở lên có 419 học sinh đạt 99,5%.

2.4. Cơ sở vật chất

2.4.1. Phòng học, phòng bộ môn, thí nghiệm, thực hành

Có 35 phòng học/33 lớp, phòng học có bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng, hệ thống quạt, ánh sáng đầy đủ, đảm bảo cho việc giảng dạy và học tập. Trong số đó, hiện đã có 03 phòng học được trang bị tivi 65inch và 04 phòng học được trang bị đèn chiếu đáp ứng cho giáo viên thực hiện các tiết dạy ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, có 14 phòng học được xây dựng từ những năm 2000, qua 23 năm sử dụng nên đã xuống cấp nặng nề.

Có 03 phòng thí nghiệm thực hành môn Vật lý- Công nghệ (diện tích 56m²), 01 phòng thực hành Hóa học (diện tích 84m²), 01 phòng thực hành Sinh- Công nghệ (diện tích 56m²); 01 phòng dạy tương tác (diện tích 56m²) có trang bị bảng tương tác.

Có 02 phòng thực hành Tin học (diện tích 112m²) với 75 máy vi tính được nối mạng internet, đạt tỷ lệ 17,2 học sinh/máy tính.

2.4.2. Khối hành chính - quản trị

Có Nhà Hiệu bộ gồm 1 phòng làm việc và 02 Nhà vệ sinh (diện tích khoảng 500m²) để bố trí chỗ làm việc gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng tư vấn- Công đoàn, 01 phòng Văn thư, 01 phòng Kế toán- Thủ quỹ, 01 phòng sử dụng để họp và nghỉ giải lao của giáo viên, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Đoàn, 01 phòng Thư viện. Các phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế và các trang thiết bị phục vụ cho công việc.

Phòng y tế (diện tích 26m²) đảm bảo theo quy định hiện hành về hoạt động y tế trong các trường trung học, bố trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu. Trang thiết bị: Có 02 giường khám bệnh; 01 tủ đựng thuốc; đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị chuyên môn thiết yếu theo quy định của Bộ Y tế; cơ sở thuốc phục vụ sơ cấp cứu ban đầu đảm bảo; có đầy đủ dụng cụ đo thân nhiệt, nước sát khuẩn, khẩu trang y tế đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh.

Có 01 phòng thư viện (diện tích 56m²) gồm phòng đọc và kho sách có đầy đủ các đầu sách, tạp chí, tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc, tham khảo cho giáo viên và học sinh, được công nhận Thư viện đạt chuẩn năm 2010.

2.4.3. Khu sân chơi, bãi tập

Tổng diện tích đất sử dụng thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị là 12.778.2 m².

Trong đó, khu giảng dạy học tập chính có diện tích 8.827,5m², được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1185/QĐ-UBND cấp ngày 01/8/2011 có thể tận dụng để dạy học môn TD và GDQP-AN và các hoạt động tập thể khác như ngoại khóa, cắm trại, văn nghệ...

Khu nhà đa năng diện tích 3.950,7m² được UBND tỉnh Quảng Ngãi giao đất tại quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 cơ bản đáp ứng cho giáo dục môn Thể dục và Giáo dục Quốc phòng - An ninh đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động thể chất, giáo dục.

2.4.4. Khu vệ sinh

Học sinh có 02 khu nhà vệ sinh dùng riêng nam nữ (diện tích 60m²). Tuy nhiên, với số học sinh hiện nay khu nhà vệ sinh chưa đáp ứng được tối đa nhu cầu.

Có 02 phòng vệ sinh bố trí trong khu vực nhà Hiệu bộ cho cán bộ, giáo viên (diện tích 40m²). Các khu nhà vệ sinh được bố trí hợp lý, riêng biệt cho nam, nữ; không làm ô nhiễm môi trường ở trong và ngoài nhà trường.

Việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường: hợp đồng với công ty Cổ phần môi trường đô thị Quảng Ngãi thu gom, vận chuyển rác thải, Nhà trường thu gom rác vào các thùng chứa, hàng ngày có bảo vệ của trường tập kết đến bãi rác cách xa nơi làm việc và các dãy phòng học để công ty môi thực hiện thường xuyên 3 lần/tuần, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Y tế nhà trường thường xuyên kiểm tra vệ sinh hàng ngày, có tổng kết để đưa vào thi đua xếp loại giữa các lớp.

2.4.5. Tường rào, cổng ngõ, sân trường

Nhà trường đã xây dựng tường rào, cổng trường, biển tên trường; sân trường có nhiều cây xanh, cảnh quan thoáng mát đảm bảo an toàn.

2.4.6. Khu để xe

Có 02 nhà để xe học sinh với diện tích 300m², 01 nhà để xe cho cán bộ, giáo viên với diện tích 60m² áp ứng nhu cầu cho việc để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Nhưng để tạo cảnh quan phòng học đảm bảo theo quy hoạch tổng thể, nhà để xe của học sinh sẽ chuyển sang khu vực gần Nhà đa năng.

2.4.7. Hệ thống nước sạch, cấp thoát nước

Nhà trường sử dụng hệ thống cấp nước sạch được kiểm định của vệ sinh môi trường tỉnh Quảng Ngãi, kết hợp nước giếng khoan cho việc sinh hoạt hàng ngày của giáo viên và học sinh.

Nước uống sử dụng cho giáo viên, học sinh hàng ngày là nước uống Thạch Bích đóng bình 20 lít.

Hệ thống thoát nước ở sân trường chưa đảm bảo, thường gây ngập cục bộ khi mưa lũ.

2.4.8. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học

Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, dạy học được đầu tư, trang bị cơ bản đảm bảo yêu cầu (có 02 đường truyền internet; phủ sóng wifi 100% khu vực làm việc của cán bộ quản lý, nhân viên; lắp đặt 08 camera quan sát...). Trang thông tin điện tử của Trường (<http://c3lequidon.quangngai.edu.vn>) được quản trị đưa tin bài, thông báo... thường xuyên; hệ thống email và Văn phòng điện tử được khai thác hiệu quả, kịp thời chuyển tải các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ngành.

Đã cập nhật dữ liệu, thông tin của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành (csdl.moet.gov.vn), trên hệ thống quản lý nhà trường (SMAS) và phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi.

2.5. Nhận định về điểm mạnh, điểm yếu và hướng khắc phục

2.5.1. Điểm mạnh

2.5.1.1. Công tác quản lý và điều hành của tập thể lãnh đạo, quản lý

- Tập thể lãnh đạo, quản lý luôn đoàn kết, có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nhà trường.

2.5.1.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

- Là một tập thể đoàn kết, đội ngũ giáo viên, nhân viên trẻ nhiệt tình, ham học hỏi, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm để nâng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Trong công tác chấp hành tốt kỷ luật lao động, qui chế chuyên môn. Năng động, sáng tạo có tinh thần chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, có ý thức đổi mới phương pháp giảng dạy.

2.5.1.3. Học sinh

- Đạo đức tác phong tốt, lễ phép, biết kính trọng thầy cô.

- Có nề nếp tốt, có động cơ học tập tốt. Ham học hỏi, năng động, tích cực, yêu thích thể dục thể thao và các hoạt động ngoại khóa.

- Được quan tâm chăm sóc của gia đình, địa phương và xã hội.

2.5.1.4. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất đã đáp ứng được yêu cầu tối thiểu trong việc dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

2.5.1.5. Thành tích nổi bật đã khẳng định được vị trí trong ngành giáo dục tỉnh, được học sinh và cha mẹ học sinh tin cậy. Trong những năm học gần đây nhà trường luôn đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc. Đảng bộ Đảng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, Công đoàn luôn đạt công đoàn cơ sở vững mạnh, Đoàn thanh niên luôn đạt Đoàn cơ sở vững mạnh.

2.5.2. Điểm hạn chế

- Trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đánh giá chất lượng chuyên môn của GV, NV lãnh đạo trường chủ yếu là động viên, nhắc nhở, nên một số GV còn chậm đổi mới, chưa phát huy hết năng lực, tinh thần trách nhiệm.

- Một bộ phận nhỏ GV chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giảng dạy, giáo dục học sinh, còn có tâm lý ngại đổi mới, ngại ứng dụng CNTT. Trên 60% GV không phải là người địa phương, nhà xa trường nên khó khăn trong việc đi lại.

- Chất lượng học sinh đầu vào (điểm tuyển sinh lớp 10) 02 năm trước còn thấp. Một bộ phận học sinh chưa tự giác, chưa có ý thức học tập, rèn luyện, chưa nỗ lực vượt khó trong học tập; nhận thức chưa sâu sắc về giá trị sống, về văn hoá ứng xử, và về kĩ năng sống, còn ham chơi, lười học.

- Cơ sở vật chất chưa đồng bộ, hiện đại, phòng học xuống cấp, thiết bị dạy học hư hỏng, lạc hậu, phòng làm việc của giáo viên, tổ chuyên môn còn chưa đầy đủ phải dùng phòng ngăn ra từ lớp học, chưa có nhà đa năng.

3. Môi trường bên ngoài

3.1. Thời cơ

- Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể; đặc biệt là sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường là cơ sở giáo dục có bề dày truyền thống dạy tốt, học tốt gần 40 năm, là địa chỉ tin cậy của nhân dân địa phương. Trong nhiều năm liền nhà trường là một trong những cơ sở giáo dục có chất lượng trong huyện Bình Sơn; thi đua được xếp nhóm trên so với các trường trong cụm, Tỉnh, là địa chỉ tin cậy của nhân dân địa phương. Nhiều năm liền luôn Hoàn thành Xuất sắc mọi nhiệm vụ.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sự phạm tốt, đáp ứng nhanh với nhu cầu đổi mới và hội nhập.

- Được phụ huynh học sinh tin nhiệm, nhiệt tình hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để tổ chức hoạt động giáo dục học sinh.

3.2. Thách thức

- Yêu cầu đổi mới giáo dục, đòi hỏi đội ngũ CB, GV, NV không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, năng lực ngoại ngữ, nhất là khả năng ứng dụng CNTT, khả năng sáng tạo trong giảng dạy.

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

- Các trường THPT trên địa bàn cũng không ngừng phát triển về quy mô, chất lượng tạo nên sự cạnh tranh lớn giữa các trường.

- Tình trạng xuống cấp về đạo đức bên ngoài xã hội và tư tưởng thực dụng đang có nguy cơ ngăn cản bước tiến của nhà trường. Môi trường xã hội xung quanh ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng học tập của học sinh như: các điểm internet, trò chơi điện tử, tệ nạn xã hội...thiếu sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan chức năng và sự phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

3.3. Xác định các vấn đề ưu tiên

Kiến toàn và nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành của Ban giám hiệu theo hướng chuyên biệt hoá với sự phân công phụ trách các mảng công việc. Xây dựng nề nếp làm việc khoa học trong nhà trường.

Tham mưu với Sở Giáo dục và đào tạo Quảng Ngãi để đảm bảo đủ số lượng giáo viên, nhân viên. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên với định hướng đáp ứng yêu cầu chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.

Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất trong thực hiện nhiệm vụ CNTT cũng như thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy học và công tác quản lý.

Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy. Triển khai chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; tạo nhiều hoạt động giao lưu để học sinh có điều kiện thích ứng và hoà nhập.

Giáo dục thái độ, động cơ học tập; giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh; tạo nhiều hoạt động trải nghiệm để học sinh có điều kiện thích ứng và hoà nhập. Tăng cường trao đổi, hợp tác và tư vấn nghề cho học sinh.

Đánh giá các hoạt động của nhà trường dựa trên các chuẩn và tiêu chí đánh giá của Bộ Giáo dục và đào tạo về công tác quản lý, giảng dạy.

Tăng cường công tác xã hội hóa để huy động các nguồn lực trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường.

III. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ CÁC GIÁ TRỊ

1. Tầm nhìn

Tạo dựng môi trường học tập an toàn, nề nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng giáo dục; Quan tâm đến quyền lợi của người học, phát huy tính chủ động, sáng tạo, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển toàn diện.

2. Sứ mệnh

Đến năm 2026, Trường THPT Lê Quý Đôn có đủ tiêu chuẩn để đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ II. Nhà trường là một trong những cơ sở giáo dục THPT có uy tín tại địa phương, là môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, có chất lượng. Cán bộ, giáo viên, nhân viên tự hào, gắn bó, sáng tạo, cống hiến, khát vọng xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

“Dân chủ, kỷ cương; Tình thương, trách nhiệm; Sáng tạo, đổi mới; Kết nối, chia sẻ; An toàn, hạnh phúc”

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, tiến tới đạt chuẩn Quốc gia mức độ II vào năm 2026;

- Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng để đạt vị thứ 15 trong các trường THPT của Tỉnh; xây dựng được thương hiệu nhà trường và tạo được niềm tin của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- * *Mục tiêu ngắn hạn:* Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường, trở thành điểm đến tin cậy của cha mẹ học sinh và học sinh trên địa bàn huyện Bình Sơn;

- * *Mục tiêu trung hạn:*

- Nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục để đạt cấp độ 3.

- Chất lượng giáo dục được khẳng định trong những trường THPT của Tỉnh.

- Nhà trường luôn đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến trở lên.

- * *Mục tiêu dài hạn:* Đến năm 2030, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- + Chất lượng giáo dục được khẳng định trong tốp trường THPT có chất lượng của Tỉnh.

- + Có quy mô ổn định và phát triển. Tiếp tục phấn đấu đạt cấp độ 3 trong kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia mức II.

2. Chỉ tiêu

2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Đảm bảo đủ biên chế được giao và đạt chuẩn về trình độ.

- Phân đầu đến năm 2025 có trên 20% GV đạt trình độ thạc sĩ (hiện có 13/74 giáo viên có bằng thạc sĩ, 03 GV đang học cao học), 100% CBQL, GV, NV sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm ứng dụng trong giảng dạy và công tác; thành thạo về ứng dụng CNTT, ngoại ngữ giao tiếp cơ bản.

- Phân đầu đến năm 2030 có trên 30% GV có trình độ thạc sĩ; 30% giáo viên đạt Giáo viên giỏi cấp tỉnh; 3/3 CBQL có trình độ lý luận chính trị Cao cấp.

- Hằng năm 100% CB, GV, NV đánh giá công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Hằng năm 100% CB, GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ mức Đạt trở lên.

2.2. Học sinh

2.2.1. Quy mô trường lớp

- Duy trì quy mô trường loại I: với 33 lớp và 1300 học sinh ở mỗi năm học.

- Đảm bảo tỷ lệ HS/lớp: không quá 40 HS/lớp.

- Đảm bảo duy trì sĩ số từ 99% trở lên.

2.2.2. Chất lượng giáo dục văn hóa

- + Trên 60% Khá - Giỏi, Yếu <5% và không có học sinh kém

- + Đỗ tốt nghiệp: Cao hơn hoặc bằng tỷ lệ chung của Tỉnh

- + Đỗ ĐH: trên 70%

- + HS giỏi Cấp tỉnh: Mỗi môn có học sinh tham gia có ít nhất 01 giải.

2.3. Chất lượng giáo dục đạo đức và kỹ năng sống

- + 98% đạt hạnh kiểm Khá, Tốt và không có học sinh xếp loại Hạnh kiểm Yếu.

- + HS được trang bị kỹ năng sống cơ bản và có ý thức tự nguyện tham gia hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện.

2.2.4. Các hoạt động khác

- Tham gia tích cực có hiệu quả mọi phong trào.

- Học sinh phấn khởi, tự nguyện tham gia với một tinh thần tự giác.

2.3. Chỉ tiêu thi đua

- Hằng năm tập thể đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc; đến 2025 phân đầu nhận Bằng khen của Bộ GDĐT.

- Đảng bộ: đủ điều kiện để công nhận Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn thanh niên hằng năm đạt vững mạnh.
- Hằng năm có 100% CB, GV, NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên, trong đó có 15% đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở; hằng năm có 1 giáo viên nhận bằng khen UBND tỉnh, CSTĐ cấp tỉnh hoặc các hình thức khen thưởng cao.

2.4. Cơ sở vật chất

- Đến năm 2024 xây dựng thêm 04 phòng học kiên cố, đảm bảo đủ điều kiện tổ chức dạy học và kiểm tra chung; nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực sân trường; cải tạo mặt diện và nâng cấp các dãy phòng học; sắp xếp các phòng sinh hoạt bộ môn, thí nghiệm thực hành; cải tạo, di dời và xây dựng thêm nhà để xe cho học sinh; xây dựng hệ thống PCCC, xử lý nước thải.
- Thực hiện tốt công tác sử dụng, bảo quản, sửa chữa, mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng dạy học. Phần đầu tất cả các phòng học được lắp đặt camera và tivi hoặc máy chiếu.
- Xây dựng khuôn viên trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, hiệu quả.
- Nhà vệ sinh giáo viên và học sinh đảm bảo tiêu chuẩn “Đủ, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường”.
- Xây dựng khu học tập thể dục, hoạt động giáo dục ngoài trời, vui chơi, đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, thoáng mát, sạch đẹp, an toàn đáp ứng yêu cầu giáo dục thể chất cho học sinh.
- Phần đầu đến năm 2030 có khu bể bơi (theo hình thức xã hội hóa).

3. Phương châm hành động

“Môi trường an toàn và chất lượng giáo dục là mục tiêu phấn đấu, là danh dự và uy tín của nhà trường”

IV. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường

- Xây dựng cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng phát huy nội lực, khuyến khích phát triển cá nhân và tăng cường hợp tác với bên ngoài.
- Hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế, các văn bản về mọi hoạt động trong trường học tạo cơ sở pháp lý để nhà trường hoạt động.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn.

2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Xây dựng đội ngũ CB, GV, NV đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; có phẩm chất chính trị, có năng lực chuyên môn giỏi, có trình độ Tin học, Ngoại ngữ; có đạo đức nhà giáo, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết, trách nhiệm với nhà trường.

- Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng CB, GV theo hướng sử dụng tốt đội ngũ hiện có, đáp ứng được yêu cầu của công việc.

- Định kỳ đánh giá và ghi nhận chất lượng, kết quả hoạt động của CB, GV, NV thông qua các tiêu chí về hiệu quả đối với sự phát triển của nhà trường. Trên cơ sở đó sẽ đề bạt, khen thưởng kịp thời đối với những CB, GV, NV có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo thi đua lành mạnh, đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ để mỗi CB, GV, NV an tâm công tác, cống hiến và gắn kết với nhà trường.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán.

3. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Tăng cường giáo dục truyền thống, tuyên truyền giáo dục về phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, an toàn học đường, giáo dục dân số và vệ sinh môi trường; thực hiện tốt giáo dục thể chất.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng, phát triển năng lực học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động xã hội, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có lý tưởng, có mục tiêu sống đúng, có được những kỹ năng sống cơ bản.

- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động học tập của học sinh. Các Phương pháp dạy học kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại như: Sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiện đại.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên bộ môn.

4. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục:

- Thường xuyên bảo dưỡng, tu sửa và phát huy tác dụng cơ sở vật chất hiện có; chú trọng xây dựng nhà trường “sáng, xanh, sạch, đẹp”. Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hoá, hiện đại đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

- Tham mưu với các cấp để được đầu tư xây dựng bổ sung phòng học bộ môn, trang bị các phương tiện, thiết bị dạy học, cơ sở vật chất khác hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

- Luôn bám theo chuẩn cơ sở vật chất của trường chuẩn quốc gia để bổ sung cơ sở vật chất của trường chuẩn quốc gia cho phát triển bền vững. Hướng tới xây dựng nhà trường ngày càng thân thiện, học sinh ngày càng tích cực.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất; kế toán và nhân viên thiết bị.

5. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

- Tổ chức tập huấn cho CB, GV, NV sử dụng thành thạo các phần mềm như: phần mềm quản lý nhân sự, quản lý học sinh, kế toán, thư viện, thiết bị, xếp thời khoá biểu, các phần mềm dạy học trực tuyến để áp dụng tốt trong công tác giảng dạy cũng như công tác quản lý.

- Chỉ đạo mỗi tổ chuyên môn, mỗi GV phải đăng ký sử dụng thư điện tử, tạo nhóm Zalo, Facebook... để trao đổi tài liệu tham khảo và báo cáo, thông tin trong công tác.

- Duy trì nâng cao hiệu quả trang thông tin điện tử của trường thường xuyên để tạo điều kiện tốt hơn cho CB, GV, NV và học sinh cũng như hỗ trợ tốt công tác giảng dạy của GV trong trường.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị tin học, máy chiếu, nâng cao đường truyền internet, wifi, mở rộng mạng nội bộ, tạo điều kiện cho GV thực hiện tốt các bài giảng điện tử và khai thác tốt mạng internet để học tập, tham khảo tài liệu.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ công nghệ thông tin.

6. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục

- Tập trung xây dựng nhà trường theo tiêu chuẩn nhà trường văn hoá, nhà trường thân thiện, học sinh tích cực; thực hiện tốt dân chủ hoá trong nhà trường; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ giáo viên, nhân viên.

- Làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, huy động mọi nguồn lực của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước, của doanh nghiệp, của cá nhân tham gia vào xây dựng và phát triển nhà trường.

- Thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ, phân bổ sử dụng các nguồn ngân sách, ngoài ngân sách, nguồn từ CMHS, nguồn hỗ trợ một cách hợp lý cho các hoạt động giáo dục.

- Huy động nguồn lực vật chất bao gồm khuôn viên nhà trường, hệ thống phòng học, phòng làm việc, hệ thống phòng THTN, phòng học chức năng, hệ thống trang thiết bị dạy học v.v...

Người phụ trách: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Ban đại diện CMHS.

7. Xây dựng thương hiệu

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường.

- Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của Nhà trường. Công bố sứ mạng, tầm nhìn và giá trị của nhà trường; Xuất bản đặc san nội bộ, sách, quảng bá hình ảnh về hoạt động của trường trên các báo, tạp chí ...; tổ chức hội thảo, báo cáo và diễn đàn dựa vào Internet.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Hội đồng trường, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các thế hệ học sinh.

8. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ II vào năm 2026

- Duy trì các tiêu chuẩn đã đạt được như: Tổ chức nhà trường; Chất lượng giáo dục.

- Ổn định và hoàn chỉnh về công tác xây dựng đội ngũ, khắc phục sự mất cân đối trong cơ cấu. Động viên và tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đạt trên chuẩn.

- Tiếp tục đầu tư, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất như: phòng học bộ môn, nhà truyền thống, sân chơi, bãi tập... nhằm đảm bảo được các yêu cầu về CSVC đối với trường chuẩn quốc gia.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, kế toán và Hội đồng trường

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược

- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn 2023- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB, GV, NV nhà trường, cơ quan chủ quản, CMHS, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến sự nghiệp giáo dục của nhà trường.

- Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều hành quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

2. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

- **Giai đoạn 1:** Từ năm 2023- 2025: Tiếp tục xây dựng, bổ sung CSVC, chất lượng giáo dục đảm bảo theo tiêu chí của trường THPT đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ I.

- **Giai đoạn 2:** Từ năm 2026 - 2028: Nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn trường THPT đạt chuẩn kiểm định chất lượng đạt cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ II, ổn định quy mô, phát triển chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu đạt đơn vị xuất sắc, cờ thi đua của Tỉnh, Bằng khen của Bộ Giáo dục.

- **Giai đoạn 3:** Từ năm 2028- 2030: Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm những việc làm được, chưa làm được. Từ đó xây dựng kế hoạch sát thực để tổ chức sứ mệnh của chiến lược phát triển nhà trường: “Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, hội nhập giáo dục quốc tế, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân”.

3. Phân công nhiệm vụ cụ thể

3.1. Đối với Hiệu trưởng

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược cho toàn thể CB, GV, NV nhà trường. Tổ chức kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch;

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược; định kỳ rà soát để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và những thay đổi của cấp trên.

3.2. Đối với các Phó hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

3.3. Đối với các tổ chức đoàn thể

Đẩy mạnh tuyên truyền vận động CB, GV, NV và học sinh tích cực thi đua thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị cơ bản của từng năm học, làm tốt công tác tham mưu, phối hợp, đổi mới tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3.4. Đối với tổ trưởng chuyên môn, văn phòng

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

3.5. Đối với cá nhân cán bộ, GV, nhân viên

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

3.6. Đối với học sinh và cha mẹ học sinh

- Thực hiện nghiêm nề nếp, kỷ cương; thực hiện tốt công tác tuần, tháng, từng kỳ và cả năm học dưới sự hướng dẫn của GV chủ nhiệm và tổ chức đoàn thanh niên.

- Tích cực hoạt động tự quản, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện kỹ năng sống.

- Đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện CMHS hiệu quả, làm tốt cuộc vận động xã hội hoá giáo dục trong và ngoài nhà trường.

VI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

- Kế hoạch chiến lược là một văn bản có giá trị định hướng cho việc xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường trong tương lai, giúp nhà trường hoạch định chiến lược phát triển giáo dục cho từng năm học và những năm tiếp theo một cách bền vững.

- Kế hoạch chiến lược còn thể hiện sự quyết tâm xây dựng thương hiệu nhà trường của toàn thể CB, GV, NV và học sinh.

- Lãnh đạo Sở GDĐT xem xét và phê duyệt kế hoạch chiến lược của trường, giúp nhà trường thực hiện nội dung theo đúng kế hoạch phù hợp với chiến lược phát triển.

Trên đây là "Chiến lược phát triển Trường THPT Lê Quý Đôn giai đoạn 2023- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030". Nhà trường sẽ xây dựng lộ trình, cụ thể hóa, thành chương trình hành động, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương và yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để báo cáo);
- UBND huyện Bình Sơn (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và PHT (để chỉ đạo, thực hiện);
- Ban ĐDCMHS (để phối hợp)
- Công đoàn, Đoàn TN (để thực hiện);
- Các tổ chuyên môn (để thực hiện);
- Lưu: VT. KT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Chấn Thi

PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT QUẢNG NGÃI



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Thái